

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **480/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 29-6-2022  
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Nguyễn Hoàng Thái

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm A, ấp HB, xã VH, huyện VL, tỉnh QT.

*Bị đơn:* **Phan Văn P**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Đ, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh P có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phan Văn P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường

xuyên cải vả. Chị T và anh P đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn P.

- Về con chung: Chị T và anh P có một con chung tên Phan Thành Đ, sinh ngày 18/3/2008. Hiện cháu đang sống cùng anh P. Khi ly hôn chị T đồng ý giao con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2022 bị đơn anh Phan Văn P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh P và chị T đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay anh P đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh P và chị T có một con chung tên Phan Thành Đ, sinh ngày 18/3/2008. Hiện cháu đang sống cùng anh P. Khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Phan Văn P. Về con chung: Giao cháu Phan Thành Đ, sinh ngày 18/3/2008 cho anh Phan Văn P tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh P không yêu cầu, tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] – Về tố tụng:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T.

**[2] – Về nội dung yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn P. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tuyết, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị T và anh P xác lập hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Chị T và anh P đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn và anh P cũng đồng ý, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh P có một con chung tên Phan Thành Đ, sinh ngày 18/3/2008. Khi ly hôn chị T và anh P thống nhất giao cháu Đ cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Đ hiện đang sống cùng anh P, được anh P chăm sóc chu đáo, đồng thời nguyện vọng của cháu là muốn được sống cùng anh P. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống, học tập và nhu cầu phát triển về mọi mặt cho cháu, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.4] Về tài sản chung chị T và anh P không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3]** Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phan Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thành Đ, sinh ngày 18/3/2008 cho anh Phan Văn Ph tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020323 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã LD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chinh**